

GÓP PHẦN TÌM HIỂU THÊM VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

PHẠM HỒNG TUNG*

Do tầm vóc và ý nghĩa lớn lao của nó, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã trở thành một trong những đề tài được giới sử gia Việt Nam và nước ngoài quan tâm đặc biệt. Hàng chục công trình chuyên khảo, hàng trăm cuốn hồi ký, hàng nghìn bài nghiên cứu đã được công bố bằng nhiều thứ tiếng và hàng trăm hội thảo khoa học với quy mô khác nhau đã được tổ chức ở trong nước và nước ngoài để cập tới nhiều vấn đề của sự kiện lịch sử này. Một trong những chủ đề được thảo luận nhiều nhất là việc nhận định về bản chất, đặc điểm, tính chất và đánh giá tầm vóc và ý nghĩa lịch sử cuộc Cách mạng tháng Tám. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước ở Việt Nam và nước ngoài, đồng thời dựa trên kết quả của những khảo sát mới nhất của bản thân tác giả, bài viết này cố gắng góp phần luận giải và bổ sung một số nét mới vào việc tìm hiểu về tính chất, đặc điểm của cuộc Cách mạng tháng Tám.

1. Một số đặc điểm của cuộc Cách mạng tháng Tám

Thứ nhất, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 là đỉnh cao của toàn bộ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và tiến bộ xã hội mà dân tộc ta đã bền bỉ,

anh dũng tiến hành từ 1858 đến 1945, mà trực tiếp nhất là cuộc vận động cứu quốc trong thời gian từ 1939-1945.

Đối với giới khoa học và nhân dân Việt Nam, nhất là những người am tường về lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thời kỳ Cận đại thì đặc điểm này dễ được chấp nhận như một sự thật hiển nhiên. Tuy nhiên, đối với một số học giả nước ngoài, ngay cả đối với một số chuyên gia về lịch sử Việt Nam cận đại, thì đây là một đề tài đã từng được tranh luận khá sôi nổi. Chẳng hạn, đối với Philippe Devillers, tác giả của cuốn sách "*Histoire du Viêt-Nam de 1940-1952*" (1) thì cuộc nổi dậy giành chính quyền của nhân dân ta do Việt Minh lãnh đạo dường như chỉ là kết quả của hoàn cảnh được tạo ra bởi cuộc đảo chính của quân đội Nhật vào đêm 9 tháng 3 năm 1945. Một số sử gia Pháp thuộc thế hệ tiếp theo, chẳng hạn như Daniel Hémery, một mặt cũng cho rằng nguyên nhân sâu xa của sự sụp đổ của chế độ thực dân ở Việt Nam bắt nguồn từ nhiều thập kỷ trước, khi người Pháp thất bại trong việc tạo ra một tầng lớp tư sản bản xứ hợp tác với họ, nhưng mặt khác lại nhấn mạnh vai trò của những biến chuyển căn bản diễn ra trong thời kỳ Thế chiến II (2).

* TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

Thực ra, đây cũng là cách luận giải và trình bày phổ biến của giới học giả phương Tây về giai đoạn lịch sử 1940-1945 và nhất là về phong trào đấu tranh giành độc lập ở khu vực Đông Nam Á. Theo họ, sự phát triển mạnh mẽ của các phong trào dân tộc ở Đông Nam Á chủ yếu chỉ là kết quả của những biến đổi sâu sắc, mạnh mẽ và mang tính cấu trúc diễn ra trong những năm Thế chiến II được gây bởi ách chiếm đóng của Nhật Bản. Đây là luận điểm đã được Harry Benda và Willard H. Elsabee đưa ra từ đầu những năm 50 và 60 của thế kỷ trước và được phần lớn các chuyên gia về lịch sử Đông Nam Á chấp nhận (3). Tuy nhiên, đến năm 1980, luận điểm này bị một trong số học trò của Harry Benda, Alfred W. McCoy đã phá kịch liệt. Theo McCoy thì những biến chuyển mạnh mẽ diễn ra ở Đông Nam Á trong thời kỳ Thế chiến II, kể cả sự phát triển của phong trào dân tộc, thực ra chỉ là sự tiếp nối của những diễn trình đã có từ trước, trong đó ách chiếm đóng của người Nhật chỉ có vai trò như một "xúc tác lịch sử" (*historical catalyst*) (4) mà thôi. Một trong những dẫn chứng chủ yếu mà McCoy đưa ra để chứng minh cho luận điểm của ông ta chính là sự phát triển liên tục, từ thấp đến cao của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam suốt từ 1858 đến 1945.

Nhìn lại, có thể thấy rằng cả hai quan điểm trên đây đều có lý, nhưng lại rất cực đoan. Để nhận thức đầy đủ lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam và cuộc Cách mạng tháng Tám cần phải có cái nhìn biện chứng, toàn diện hơn.

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta kết thúc bằng cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trước hết là kết quả trực tiếp của những yếu tố dân tộc và thời đại, trong nước và quốc tế, chủ quan và khách quan của thời kỳ 1939-1945, mà

đặc biệt là kết quả của cuộc vận động cứu quốc do Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh tổ chức và lãnh đạo. Tuy nhiên, cuộc vùng lên quật khởi đó còn là đỉnh cao của toàn bộ sự phát triển của cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do và tiến bộ xã hội của dân tộc Việt Nam trong suốt hơn 80 năm trước đó. Từ tháng 9 năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược nước ta, nhân dân ta không ngừng đứng lên đấu tranh, tìm cách giải phóng đất nước, khôi phục nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Tuy có trải qua những bước thăng trầm, nhưng những bước phát triển kế tiếp nhau từ thấp đến cao là một đặc điểm của phong trào đấu tranh chống thực dân ở Việt Nam. Đây chính là một trong những điểm khác biệt căn bản giữa phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc ở phần lớn các nước Đông Nam Á khác.

Trải qua các bước phát triển với những hình thức và tính chất khác nhau, phong trào chống thực dân ở Việt Nam đạt đến đỉnh cao nhất vào thời kỳ 1939-1945, khi tất cả những nguồn sức mạnh dân tộc, truyền thống và hiện đại, thành thị và nông thôn, của tất cả các giai tầng, bằng tất cả mọi phương thức biểu hiện, đã được khơi dậy mạnh mẽ và chung đúc dưới ngọn cờ dân tộc của Mặt trận Việt Minh, và đã tạo nên xung lực tổng hợp, đưa tới thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Nhìn rộng ra, cuộc đấu tranh phi thực dân hóa ở Việt Nam không chỉ bao gồm phong trào giải phóng dân tộc, trực diện tấn công nhằm lật đổ chế độ thực dân Pháp với tư cách là một thiết chế chính trị. Muộn nhất thì vào đầu thế kỷ XX, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã bắt đầu gắn liền với cuộc đấu tranh nhằm mang lại cho đất

nước những cơ hội phát triển, tự cường, bắt đầu gắn chặt với cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội, vì sự nghiệp giải phóng con người. Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 cũng là đỉnh cao của cuộc đấu tranh phi thực dân hóa theo nghĩa rộng và toàn diện như vậy.

Thứ hai, cuộc Cách mạng tháng Tám là kết quả của sự vùng lên quyết khởi của toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh vĩ đại.

Trong so sánh với phong trào đấu tranh chống thực dân ở các nước Đông Nam Á khác, *một trong những đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam là có sự tham gia tích cực và ngày càng đông đảo hơn của quần chúng nhân dân.* Có thể nói những cuộc biểu tình của hàng chục nghìn nông dân Trung Kỳ trong phong trào "xin trâu, kháng thuế" năm 1908 đã mở đầu cho những phong trào phản kháng quần chúng ở Việt Nam. Tiếp đó, là các lần sóng đấu tranh rộng lớn của quần chúng trong các thời kỳ 1925-1926, 1930-1931 và 1936-1939 với sự tham gia của các tầng lớp dân chúng Việt Nam ngày càng trở nên đông đảo hơn, có tổ chức tốt hơn, với những hình thức phong phú, đa dạng hơn, và quan trọng nhất, *với ý thức chính trị ngày càng rõ ràng và trưởng thành hơn.* Tới thời kỳ 1939-1945, trong điều kiện trong nước và quốc tế đặc biệt, sự tham gia của các tầng lớp dân chúng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng ngày một tích cực và mạnh mẽ hơn. Điều cần lưu ý là: Cho tới trước tháng 8 năm 1945, ở Việt Nam không chỉ có phong trào quần chúng do Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh tổ chức và lãnh đạo, mà còn có một số phong trào quần chúng khác

(chẳng hạn như các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo với trên dưới một triệu tín đồ, các phong trào thanh niên do thực dân Pháp khởi xướng, rồi sau ngày 9-3-1945 là *Phong trào thanh niên tiên tuyến* và *Phong trào thanh niên Tiên phong*). Tuy nhiên, cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Hạ tuần tháng 8 năm 1945 *thực sự là một cuộc khởi nghĩa dân tộc*, trong đó, hầu như mọi phong trào quần chúng khác nhau đã dồn tụ lại dưới ngọn cờ đại nghĩa của Việt Minh. Chính khối đại đoàn kết mạnh mẽ và to lớn đó đã làm nên thắng lợi to lớn của cuộc Cách mạng tháng Tám. Vấn đề đặt ra ở đây là: Ở vào thời điểm đó, có rất nhiều đảng phái khác nhau, nhưng tại sao chỉ có Việt Minh được thừa nhận là lãnh tụ chính trị duy nhất của quần chúng nhân dân?

Câu trả lời nằm ở chính đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương được xác định từ Hội nghị Trung ương tháng 11 năm 1939 và hoàn chỉnh về căn bản trong Hội nghị Trung ương tháng 5 năm 1941. Quyết định giương cao ngọn cờ dân tộc, thành lập Mặt trận Việt Minh với đường lối vận động quần chúng linh hoạt, sáng tạo đã tạo cơ sở cho sự quy tụ sức mạnh vùng lên của toàn dân tộc. Do đó, có thể nói rằng quyết định chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng đã mở đường cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám.

Đặc điểm này đã được làm sáng tỏ và khẳng định chắc chắn qua hàng trăm công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là một trong những điểm mà các học giả phương Tây tranh luận sôi nổi và có nhiều ý kiến khác nhau. Trước hết, có thể thấy rõ một xu hướng nghiên cứu của các học giả phương Tây là nhằm hạ thấp, thậm chí phủ nhận hoàn toàn vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng

sản Đông Dương với tư cách là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám. Phải nói ngay rằng phần lớn những nghiên cứu như vậy đều xuất phát từ lập trường chính trị chống cộng, chống cách mạng Việt Nam, nhất là trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, những quan điểm cực đoan, phủ nhận thô sơ ngày càng trở nên lạc lõng. Thay vào đó đã xuất hiện một vài công trình cố gắng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng một cách tinh vi, "khoa học" hơn. Thay vì phủ nhận hoàn toàn vai trò lãnh đạo của Đảng, họ chủ trương đề cao vai trò của cán bộ Đảng và Việt Minh cơ sở, nhất là trong việc quyết định giành chính quyền vào tháng 8 năm 1945, qua đó phủ nhận hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Trung ương Đảng (5).

Tuy vậy, ngay ở phương Tây quan điểm trên cũng không nhận được sự tán đồng của nhiều học giả chuyên nghiên cứu về Việt Nam. Ngày càng xuất hiện nhiều hơn những nghiên cứu nghiêm túc, ví dụ của William J. Duiker, Huỳnh Kim Khánh, David G. Marr... góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là một trong những nhân tố quyết định đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám.

Còn về sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân, thì đây là một thực tế hiển nhiên nên hầu như không có nhà nghiên cứu nào có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu lại cố gắng giải thích rằng đây chỉ là cuộc nổi dậy tự phát của quần chúng, và đây cũng là một cách để họ phủ nhận vai trò tổ chức, lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh. Tuy nhiên, như sẽ chỉ ra dưới đây, các tác giả theo quan điểm này không thể trả lời được câu hỏi tại sao chỉ có ở Việt Nam, chứ

không phải ở tất cả các xứ thuộc địa khác ở Đông Nam Á, lại xuất hiện nhiều đến thế các phong trào "tự phát" khổng lồ, phát triển liên tục suốt từ 1925 đến 1945, và tại sao các phong trào "tự phát" đó cuối cùng lại không tan rã, mà ngày càng tụ hội lại dưới một ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì vậy, những lập luận của họ về tính "tự phát" của cuộc Cách mạng tháng Tám là không đủ thuyết phục.

Thư ba, thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám là kết quả của sự tác động nhuần nhuyễn giữa các yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó yếu tố chủ quan giữ vai trò quyết định nhất.

Nhìn một cách tổng quát, lịch sử Cận đại Việt Nam là lịch sử của quá trình quốc tế hóa đời sống dân tộc ngày càng tăng. Trong thời kỳ Thế chiến II, các yếu tố quốc tế, khách quan càng có tác động mạnh hơn đối với đời sống và diễn trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Những diễn biến mau lẹ của cuộc Thế chiến II, đặc biệt là cuộc đảo chính Nhật - Pháp (9-3-1945) và nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945 do phát xít Nhật - Pháp gây ra đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội và kinh tế toàn diện và sâu sắc, khiến cho các điều kiện bùng nổ của cuộc cách mạng ở Việt Nam ngày một chín muồi. Cuối cùng, tuyên bố đầu hàng của Nhật hoàng đã đẩy cuộc khủng hoảng đó đến đỉnh điểm, tạo ra thời cơ khách quan vô cùng thuận lợi cho cuộc cách mạng nổ ra và giành thắng lợi.

Tuy nhiên, thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám không phải là một cơ may, một sự tình cờ do kết quả của việc xuất hiện một "khoảng trống quyền lực" (power vacuum) như một số học giả phương Tây quan niệm. Dù có xuất hiện một "khoảng trống quyền lực" như vậy thì điều

kiện đó cũng mở ra cơ hội thuận lợi gần tương tự như nhau trên toàn bán đảo Đông Dương, nhưng trên thực tế cách mạng chỉ nổ ra ở Việt Nam, trong khi ở Campuchia và ở Lào lại không có quá trình lịch sử tương tự. Thêm nữa, ngay tại Việt Nam thì cơ hội cũng mở ra thời cơ như nhau cho nhiều chính đảng và giáo phái, nhưng cuối cùng, chỉ có lực lượng cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo mới đủ sức chớp thời cơ và giành chính quyền trên quy mô toàn quốc. Qua đó, có thể thấy rằng những yếu tố chủ quan, yếu tố bên trong, trong đó, vai trò lãnh đạo và tổ chức của Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh mới là những yếu tố quyết định nhất đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám (6).

Thứ tư, xét về hình thái diễn biến, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các cuộc đấu tranh trên các địa hạt chính trị, quân sự, văn hóa, ngoại giao; giữa cuộc đấu tranh ở thành thị và ở nông thôn của tất cả các tầng lớp, các giai cấp, trong đó quần chúng nhân dân lao động giữ vai trò quan trọng nhất.

Nhìn lại quá trình giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám có thể thấy ở phần lớn các tỉnh và thành phố, đặc biệt ở những thành thị quan trọng nhất như Hà Nội, Sài Gòn và Huế, phương thức giành chính quyền chủ yếu diễn ra dưới hình thức những cuộc biểu tình của quần chúng. Ở nhiều nơi đấu tranh ngoại giao của lực lượng khởi nghĩa địa phương nhằm trung lập hóa quân đội Nhật và lực lượng bảo an binh cũng là một trong những yếu tố then chốt, đảm bảo cho thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu của cuộc tổng khởi nghĩa.

Tuy vậy, cuộc Cách mạng tháng Tám không phải thuần túy là một "cuộc cách

mạng hoà bình", một cuộc "đảo chính" và càng không phải chỉ là kết quả của một cuộc "vận động ngoại giao". Sở dĩ cuộc giành chính quyền có thể diễn ra nhanh chóng, ít đổ máu, và trong đó hoạt động ngoại giao có thể phát huy được tác dụng to lớn như vậy là nhờ quá trình đấu tranh gian khổ, lâu dài từ trước đó đã tạo ra cho cách mạng thế và lực áp đảo, và do đó, trong điều kiện khách quan thuận lợi, cách mạng mới có thể nổ ra và thắng lợi theo những hình thức như vậy. Trong quá trình đó Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh luôn luôn chú trọng kết hợp chặt chẽ việc xây dựng lực lượng cách mạng cả về chính trị và vũ trang, tuy chọn chỗ đứng chân cho cách mạng ở địa bàn nông thôn, miền núi, nhưng vẫn chú ý chú trọng phát triển lực lượng ở thành thị, không quên triển khai đấu tranh kiên trì, tích cực trên cả các địa hạt văn hóa và ngoại giao. Do đó, có thể nói thắng lợi to lớn của Cách mạng tháng Tám bắt nguồn từ chính quá trình chuẩn bị lực lượng tích cực, kiên trì và sáng tạo của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh.

Đặc điểm về hình thái xây dựng lực lượng, nhất là hình thái diễn biến của việc giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám là một trong những vấn đề được giới nghiên cứu ở trong và ngoài nước thảo luận sôi nổi từ khá lâu và đã đạt tới sự nhất trí về căn bản. Tuy nhiên, gần đây một số nghiên cứu mới ở cả trong nước và nước ngoài đã làm sáng tỏ thêm những đặc điểm riêng của hình thái xây dựng lực lượng và giành chính quyền ở các địa phương, nhất là ở Nam Kỳ và Trung Kỳ, đồng thời cũng bổ sung thêm nhiều nhận thức mới về cuộc đấu tranh ngoại giao của Mặt trận Việt Minh và vai trò của cuộc đấu tranh này đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Thứ năm, tuy cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra ở từng địa phương dưới những hình thức phong phú và với những lộ trình khác nhau, về căn bản cuộc Cách mạng tháng Tám vẫn là một quá trình lịch sử thống nhất trên phạm vi toàn quốc ở những địa điểm chính.

Xem xét cụ thể, có thể thấy hình thái diễn biến của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở các địa phương rất khác nhau, không tuân theo bất cứ một “kịch bản” hay một kế hoạch tổng nhất nào. Trong tổng số 65 tỉnh và thành phố giành được chính quyền thì có 36 tỉnh, thành phố quá trình khởi nghĩa cơ bản bắt đầu từ xã, tiến tới huyện rồi sau đó tiến lên giành chính quyền ở tỉnh lỵ, thành phố. Trong khi đó ở 15 tỉnh, thành phố khác khởi nghĩa trước hết bùng nổ ở trung tâm hành chính trước, rồi lan về các huyện, xã sau. Ngoài Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn, tại 11 tỉnh khác khởi nghĩa nổ ra gần như đồng loạt ở cả nông thôn và thành thị (7). Trong điều kiện đặc biệt khẩn trương, mệnh lệnh khởi nghĩa phát ra từ Tân Trào cũng chỉ kịp chuyển tới một số tỉnh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, còn phần lớn các tỉnh và thành phố khác, cán bộ Đảng và Việt Minh ở địa phương đã chủ yếu căn cứ vào việc phân tích tình hình cụ thể ở địa phương, dựa vào chỉ thị ngày 12 tháng 3 năm 1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng mà chủ động, sáng tạo, dũng cảm phát động nhân dân đứng lên giành chính quyền (8).

Mặc dù tính đa dạng và phong phú về hình thái và diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa, cuộc Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam quyết không phải là một biến cố lịch sử tự phát. Ở tất cả các địa phương, tuyệt đại đa số các cuộc vùng lên của quần chúng đều do cán bộ Đảng và Việt Minh lãnh đạo và tổ chức, do đó, cuộc vùng lên của dân tộc

Việt Nam nhìn chung hoàn toàn thống nhất về mục tiêu và về định hướng chính trị. Vì vậy, ngay sau cuộc Tổng khởi nghĩa, đã ít xuất hiện những xu hướng ly khai, mà chủ yếu là xu hướng hội tụ sức mạnh dân tộc, cùng chung một ý chí bảo vệ nền độc lập, tự do và thống nhất tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do lãnh tụ Hồ Chí Minh đứng đầu.

2. Tinh chất của Cách mạng tháng Tám 1945

Cách mạng tháng Tám trước hết là cuộc cách mạng có tính dân tộc sâu sắc. Giải phóng đất nước khỏi ách thống trị ngoại bang, khôi phục nền độc lập dân tộc và thống nhất tổ quốc là những nhiệm vụ thiêng liêng hàng đầu mà trong suốt thời kỳ lịch sử Cận đại biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước không từ nan trước mọi hy sinh để đạt cho kỳ được. Đó cũng chính là nhiệm vụ duy nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ Thế chiến II đã được xác định rõ ràng tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 năm 1941. Vì nhiệm vụ này, Đảng đã quyết định tạm gác những nhiệm vụ khác, và suốt trong hơn 4 năm trời ngọn cờ dân tộc mà Đảng và Mặt trận Việt Minh giương cao đã khơi dậy những nguồn sức mạnh vô cùng to lớn của dân tộc và trở thành hạt nhân củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo cho tới trước ngày tổng khởi nghĩa trước hết và chủ yếu là cuộc đấu tranh yêu nước, trước hết là chống hai kẻ thống trị ngoại bang là thực dân Pháp và phát-xít Nhật, sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, là chống phát-xít Nhật.

Tuy nhiên, khi cuộc tổng khởi nghĩa bùng nổ thì hai kẻ thống trị ngoại bang đó, một là thực dân Pháp đã bị lật đổ từ ngày 9

tháng 3 năm 1945, một là phát-xít Nhật đã đầu hàng Đồng Minh và chủ yếu đã giữ thái độ trung lập khi Việt Minh giành chính quyền. Do đó, dường như Việt Minh chủ yếu chỉ giành chính quyền từ tay một chính phủ "dân tộc" khác, chính phủ Trần Trọng Kim, vốn đã gần như tan rã hoàn toàn. Như vậy, cuộc Cách mạng tháng Tám có bị mất đi tính chất dân tộc hay không?

Trước hết, cần phải lưu ý rằng phát-xít Nhật lật đổ chế độ thống trị của thực dân Pháp không phải nhằm mang lại độc lập thực sự cho dân tộc Việt Nam. Cho dù người Nhật có dựng lên các chính phủ của người Việt Nam thì chính phủ đó cũng chỉ là một thứ bù nhìn chính trị, bởi lẽ mọi quyền lực điều hành đất nước chủ yếu vẫn nằm trong tay quân đội Nhật. Thứ "độc lập" mà người Nhật "trao" cho chính phủ này chẳng qua chỉ là một thứ "độc lập bánh vẽ" mà thôi (9). Vì thế, nhiệm vụ dân tộc của cách mạng Việt Nam vẫn chưa được thực hiện. Và lại, tuy cuộc đảo chính của Nhật có lật đổ chế độ thực dân Pháp, nhưng vẫn chưa thể đập tan hay ngăn chặn được âm mưu tái chiếm thuộc địa của Pháp. Đặc biệt là khi Nhật đầu hàng Đồng Minh thì thực dân Pháp (lúc này thuộc phe thắng trận) càng có đầy đủ cơ sở để khôi phục nền thống trị của chúng. Chỉ có thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám mới tạo ra những tiền đề cho việc ngăn chặn và cuối cùng là đập tan âm mưu đó của thực dân Pháp.

Thứ hai, ngay cả sau khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh thì ở Đông Dương, lực lượng quân đội Nhật vẫn còn nguyên vẹn. Thực tế, khi Việt Minh lãnh đạo dân chúng giành chính quyền, một trong những nguyên nhân khiến cho quân Nhật giữ thái độ trung lập, không can thiệp, đàn áp cách mạng, chính là nhờ cuộc

đấu tranh ngoại giao đầy dũng cảm và khôn khéo của cán bộ Việt Minh cơ sở, dựa chắc trên cơ sở áp lực to lớn của hàng triệu quân chúng. Vì thế, việc cuộc Cách mạng tháng Tám kết thúc bằng cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, lật đổ một chính phủ bù nhìn hoàn toàn không làm thay đổi tính chất dân tộc của nó. Hàng triệu quân chúng từ Bắc đến Nam đã tham gia tích cực vào cuộc vùng lên quật khởi đó chủ yếu là xuất phát từ động cơ yêu nước, từ tinh thần dân tộc chủ nghĩa được phát huy tới mức cao độ nhất.

Cách mạng tháng Tám còn có tính chất dân chủ sâu sắc. Trong thời kỳ 1939-1945 cách mạng Việt Nam tập trung sức vào giải quyết nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc, khôi phục độc lập và chủ quyền quốc gia. Hội nghị Trung ương tháng 5 năm 1941 đã xác định, phải tạm gác việc thực hiện một số nhiệm vụ dân chủ, bao gồm cả việc thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" và việc tiến hành các cải cách dân chủ trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, văn hóa, tâm linh khác. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà có thể phủ nhận tính chất dân chủ của cuộc Cách mạng tháng Tám.

Thứ nhất, đối với cộng đồng dân tộc Việt Nam lúc đó đang rên xiết dưới ách thống trị ngoại bang thì bản thân việc thực hiện nhiệm vụ dân tộc đã mang tính chất dân chủ rất sâu sắc. Khác với các xã hội phương Tây, hệ giá trị nhân văn, nhân bản của người Việt Nam bao giờ cũng đề cao tính chất cộng đồng, mà cộng đồng dân tộc chính là dạng cộng đồng to lớn nhất và quan trọng nhất. Đó chính là cơ sở sâu xa của truyền thống yêu nước Việt Nam, của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Do đó, một khi "nước mất" thì "nhà tan", và chừng nào dân tộc còn bị nô dịch, bị tước đoạt quyền tự do tồn tại độc lập và tự do lựa chọn con

đường phát triển thì lợi ích và quyền làm chủ vận mệnh bản thân của mỗi cá thể cũng như của toàn thể cộng đồng bị xâm hại. Vì vậy, với việc đập tan xiềng xích thực dân, phát-xít, khôi phục độc lập dân tộc, cuộc Cách mạng tháng Tám đã thể hiện tính chất dân chủ rất sâu sắc.

Thứ hai, việc giải quyết vấn đề ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng", đương nhiên, là một nội dung rất quan trọng trong nhiệm vụ dân chủ của một cuộc cách mạng tại một nước nông thôn - nông nghiệp - nông dân như Việt Nam lúc đó. Song, vấn đề ruộng đất không bao hàm tất cả nội dung dân chủ của cuộc cách mạng đó, bởi lẽ nó chỉ liên quan đến thiết chế kinh tế của một hệ thống kinh tế - xã hội - chính trị to lớn hơn là chế độ quân chủ đã tồn tại hơn 1.000 năm. Tất cả các cuộc vận động dân chủ trước đây sở dĩ thất bại chính là vì không đập tan được hệ thống đó với tư cách là một chế độ xã hội. Vì vậy, với việc xóa bỏ chế độ quân chủ, đập tan chính quyền phong kiến từ trung ương tới làng xã, lập nên chính thể cộng hòa dân chủ, cuộc Cách mạng tháng Tám thực sự là cuộc cách mạng dân chủ đầu tiên và to lớn nhất trong toàn bộ lịch sử Việt Nam.

Thứ ba, tính chất dân chủ của cuộc Cách mạng tháng Tám còn thể hiện ở việc thực hiện 10 chính sách lớn của Việt Minh, trước hết là ở Khu giải phóng, và sau đó trên phạm vi rộng hơn sau khi chính quyền cách mạng được thiết lập.

Thứ tư, trong thời kỳ Thế chiến II, cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống phát-xít Nhật và chống tập đoàn thống trị thực dân Pháp đang cộng tác với phát-xít Nhật và đã tự phát-xít hóa nhằm giải phóng dân tộc đương nhiên nằm trong cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại chống lại kẻ thù to lớn nhất của nền dân chủ là chủ nghĩa

phát-xít. Vì vậy, tính chất dân chủ của cuộc Cách mạng tháng Tám còn mang ý nghĩa thời đại là dân chủ chống phát-xít, chống xâm lược.

Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng mang tính chất nhân dân điển hình. Tính chất này được thể hiện thông qua tính chất dân tộc và dân chủ sâu sắc của cuộc cách mạng, đồng thời còn được thể hiện rõ qua hình thái diễn biến của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền, tức là thông qua sự tham gia vô cùng đông đảo của hàng triệu quần chúng thuộc đủ mọi tầng lớp, từ Bắc tới Nam, cả ở nông thôn và thành thị, vào các cuộc mít-tinh và biểu tình khổng lồ làm tan rã chính quyền bù nhìn và lập nên chính quyền cách mạng. Chưa bao giờ quần chúng nhân dân lại tham gia đông đảo và tích cực đến như thế vào một cuộc khởi nghĩa toàn dân tộc để đập tan chế độ xã hội cũ, thiết lập chế độ xã hội mới. Đây chính là bằng chứng hiển nhiên cho thấy rõ cuộc Cách mạng tháng Tám thực sự là sự nghiệp của quần chúng nhân dân Việt Nam được sáng tạo nên một cách có ý thức, với một ý chí vô cùng mạnh mẽ của một khối đoàn kết vô cùng rộng lớn và vững chắc.

*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc ta, đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ lịch sử đau thương mà dân tộc ta bị đoạ đầy tủi nhục dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp và sau đó, của cả phát-xít Nhật. Sự kiện lịch sử này cũng đánh dấu sự chấm dứt của chế độ quân chủ đã tồn tại hơn 1.000 năm trên đất nước ta, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hòa.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, cuộc đấu tranh bền bỉ, anh dũng của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân cuối cùng đã đi tới thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám một lần nữa đã chứng tỏ sức sống dẻo dai, năng lực sáng tạo phi thường và tinh thần yêu nước mãnh liệt của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương với lãnh tụ vĩ đại là Hồ Chí Minh, sức sống ấy, năng lực sáng tạo ấy và tinh thần yêu nước ấy đã được quy tụ, nhân lên gấp bội và vươn tới tầm cao mới của thời đại, trở thành xung lực mạnh mẽ, thành niềm tin

và trí tuệ để dân tộc Việt Nam tiếp tục vươn lên vượt qua mọi thử thách ác liệt và giành được những thắng lợi to lớn và vẻ vang hơn nữa trong thế kỷ XX.

Về phương diện quốc tế, Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng điển hình ở một nước thuộc địa, lập nên một trong những nhà nước độc lập, dân chủ cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á. Thắng lợi to lớn của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc trên toàn thế giới.

CHÚ THÍCH

(1). Do Nxb. Édition du seuil xuất bản năm 1952 tại Paris.

(2). Xem: Hémery, Daniel: *Aux origines des guerres d'indépendance Vietnamiennes: pouvoir colonial et phénomène communiste en Indochine avant la Seconde Guerre Mondiale*, in: *Mouvement social*, No. 101, 1977, p. 35.

(3). Xem: Elsbree, Willard H., *Japan's Role in Southeast Asian Nationalist Movement 1940 to 1945*, Institute of Pacific Relations, New York, 1953; Benda, Harry J., *The Structure of Southeast Asian History, Some Preliminary Observations*, in: *Journal of Southeast Asian History*, 1962.

(4). Xem: McCoy, Alfred W. (ed.), *Southeast Asia under Japanese Occupation*, Yale University Press, New Haven, 1980.

(5). Ví dụ điển hình cho cách tiếp cận này là công trình của Stein Tonnesson. Ông ta viết: "Trên thực tế Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh chưa bao giờ lên kế hoạch cho cuộc Cách mạng tháng Tám"; "Giải phóng quân và nhất là ban lãnh đạo trung ương

của Việt Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đóng một vai trò khiêm tốn, không tương xứng trong Cách mạng tháng Tám". Xem: Tonnesson, Stein, *The Vietnamese Revolution of 1945. Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, Oslo, 1991, p. 424, 415, 354 và 355.

(6). Xem thêm Phạm Hồng Tung: "Hai cuốn sách nổi tiếng về Cách mạng tháng Tám của Stein Tonnesson và David G. Marr: Đọc và suy ngẫm", *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 8-2004, tr. 3-10.

(7). Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Cách mạng tháng Tám...*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 225-226.

(8). Chỉ có 13 tỉnh nhận được lệnh từ Tân Trào trước khi phát động khởi nghĩa, đó là: Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Sơn Tây, Cao Bằng, Bắc Kạn, Kiến An, Hòa Bình, Lạng Sơn, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế.

(9). Xem: Huỳnh Kim Khánh, *The Vietnamese August Revolution Reinterpreted*, University of California, Berkeley, California 94720, Reprint No. 394, 1971, p. 765-766.